**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN**

*(Dành cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập chịu thuế  từ tiền lương, tiền công cho cá nhân)*

**[01]**Kỳ tính thuế:...........Năm………..

**[02]**Lần đầu: **[03]** Bổ sung lần thứ:.................

**[04] Tên người nộp thuế:**…………….…………………….…………….............................

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **[05]** Mã số thuế: |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   | - |   |   |   |

**[06]** Địa chỉ: ……………..………….......................................................................................

**[07]** Quận/huyện: ..................... **[08]** Tỉnh/thành phố: .............................................................

**[09]** Điện thoại:………………..**[10]**Fax:..........................**[11]** Email: .................................

**[12] Tên đại lý thuế (nếu có):**…..……………………...........................................................

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **[13]** Mã số thuế: |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   | - |   |   |   |

**[14]** Địa chỉ: …………………………………………………………………………………...

**[15]** Quận/huyện: ...................... **[16]** Tỉnh/thành phố: .............................................................

**[17]** Điện thoại: ........................ **[18]** Fax: .................. **[19]** Email: .........................................

**[20]** Hợp đồng đại lý thuế: Số: .....................................Ngày:...................................................

**I. NGHĨA VỤ KHẤU TRỪ THUẾ CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRẢ THU NHẬP**

*Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam (VNĐ)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chỉ tiêu** | **Mã chỉ tiêu** | **Đơn vị tính** | **Số người/****Số tiền** |
| **1** | **Tổng số người lao động:** | **[21]** | Người |   |
| Trong đó: Cá nhân cư trú có hợp đồng lao động | **[22]** | Người |   |
| **2** | **Tổng số cá nhân đã khấu trừ thuế [23]=[24]+[25]** | **[23]** | Người |   |
| 2.1 | Cá nhân cư trú | **[24]** | Người |   |
| 2.2 | Cá nhân không cư trú | **[25]** | Người |   |
| **3** | Tổng số cá nhân thuộc diện được miễn, giảm thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần | **[26]** | Người |   |
| **4** | **Tổng số cá nhân giảm trừ gia cảnh** | **[27]** | Người |   |
| **5** | Tổng thu nhập chịu thuế (TNCT) trả cho cá nhân [28]=[29]+[30] | **[28]** | VNĐ |   |
| 5.1 | Cá nhân cư trú | **[29]** | VNĐ |   |
| 5.2 | Cá nhân không cư trú | **[30]** | VNĐ |   |
| **6** | **Tổng TNCT trả cho cá nhân thuộc diện phải khấu trừ thuế [31]=[32]+[33]** | **[31]** | VNĐ |   |
| 6.1 | Cá nhân cư trú | **[32]** | VNĐ |   |
| 6.2 | Cá nhân không cư trú | **[33]** | VNĐ |   |
| **7** | **Tổng số thuế thu nhập cá nhân (TNCN) đã khấu trừ [34]=[35]+[36]** | **[34]** | VNĐ |   |
| 7.1 | Cá nhân cư trú | **[35]** | VNĐ |   |
| 7.2 | Cá nhân không cư trú | **[36]** | VNĐ |   |
| **8** | **Tổng số thuế được giảm do làm việc tại khu kinh tế [37]=[38]+[39]** | **[37]** | VNĐ |   |
| 8.1 | Cá nhân cư trú | **[38]** | VNĐ |   |
| 8.2 | Cá nhân không cư trú | **[39]** | VNĐ |   |
| **9** | Tổng TNCT từ tiền phí mua bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm không bắt buộc khác của doanh nghiệp bảo hiểm không thành lập tại Việt Nam cho người lao động | **[40]** | VNĐ |   |
| **10** | Tổng số thuế TNCN đã khấu trừ trên tiền phí mua bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm không bắt buộc khác của doanh nghiệp bảo hiểm không thành lập tại Việt Nam cho người lao động | **[41]** | VNĐ |   |

**II. NGHĨA VỤ QUYẾT TOÁN THAY CHO CÁ NHÂN**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chỉ tiêu** | **Mã chỉ tiêu** | **Đơn vị tính** | **Số người/****Số tiền** |
| **1** | Tổng số cá nhân ủy quyền cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập quyết toán thay | **[42]** | Người |   |
| **2** | Tổng số thuế TNCN đã khấu trừ | **[43]** | VNĐ |   |
| **3** | Tổng số thuế TNCN phải nộp | **[44]** | VNĐ |   |
| **4** | Tổng số thuế TNCN còn phải nộp NSNN | **[45]** | VNĐ |   |
| **5** | Tổng số thuế TNCN đã nộp thừa | **[46]** | VNĐ |   |

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.